

Bản án số 67/2017/HSST
Ngày: 23/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mười

Ông Chu Hồng Thái

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/HSST ngày 02/11/2017 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Mạnh H, sinh ngày 26/10/1981.

Nơi cư trú: P, Thị trấn V, huyện C, tỉnh T

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hoá: 06/12; Tiền sự: không

Tiền án: Bản án số 167/2016/HSST ngày 13/6/2016 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt H 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Nhân thân:

+ Tại bản án số Bản án số 33 ngày 30/10/2003 Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xử phạt H 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Tại bản án số 11 ngày 5/8/2004 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Y xử phạt H 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp hình phạt còn lại

của bản án số 33 ngày 30/10/2003 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 34 tháng tù.

+ Tại bản án số 60 ngày 23/9/2008 Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh C xử phạt H 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong bản án ngày 19/9/2010.

+ Tại Quyết định số 302 ngày 17/4/1997 UBND tỉnh T quyết định đưa vào trường giáo dưỡng đối với H, thời hạn 24 tháng.

Con ông Vũ Quốc C, đã chết và bà Mai Thị Kim O, sinh năm 1962. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình, có vợ là Bùi Thị D, sinh năm 1991, có 01 con chung là Vũ Mai Thùy L, sinh năm 2013. Hiện bị cáo tạm giam từ ngày 07/7/2017 cho đến nay.

(có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Vũ Văn N, sinh ngày 08/3/1987.

Nơi cư trú: Tổ T, TT V, huyện C, tỉnh T

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hoá: 06/12; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án số 52 ngày 5/8/2010 Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh V xử phạt N 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản.

Con ông: Vũ Văn H và bà Đỗ Thị T đều đã chết. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình, chưa có vợ con. Hiện bị cáo đang tạm giam từ ngày 07/7/2017 cho đến nay - có mặt tại phiên tòa

NHẬN THẤY

Các bị cáo Vũ Mạnh H và Vũ Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 19 giờ 30 phút ngày 07/7/2017 nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại căn lều bỏ hoang thuộc khu vực xóm 6, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có một số người tụ tập, nghi vấn đang sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ công tác Công an xã H, huyện Đ đã tiến hành kiểm tra. Khi tổ công tác tiếp cận thì có một người bỏ chạy. Còn hai người có mặt tại đó khai nhận là Vũ Mạnh H và Vũ Văn N. Tiến hành kiểm tra tại khu vực căn lều phát hiện 01 gói nilông màu trắng bên trong có 01 gói chất bột màu trắng gói bằng giấy bạc màu vàng (H và N khai nhận là gói ma túy loại Hê rô in của H, N và Trần Đức T, trú tại: xã N, huyện C, tỉnh T là người đã vừa bỏ trốn, cùng nhau góp tiền mua về để sử dụng). Tổ công tác Công an xã H, huyện Đ đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H và N, thu giữ vật chứng là 01 gói chất bột màu trắng nêu trên, 01 xe mô tô nhãn hiệu BLADE, BKS 22F1-17102 màu trắng sau đó chuyển toàn bộ hồ sơ đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ giải quyết theo thẩm quyền.

Tại kết luận giám định số 842/KL-PC54 ngày 11/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Chất bột màu trắng thu giữ của Vũ Mạnh H, Vũ Văn N là chất ma túy, loại Hêrôin, có trọng lượng là 0,229 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Mạnh H và Vũ Văn N khai nhận như sau: H, N và T là các đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 05/7/2017 ba người rủ nhau đi thành phố T, tỉnh Thái Nguyên mua ma túy để cùng nhau sử dụng. H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22F1- 17102 (Là xe của bà Mai Thị Kim O, trú tại: P 1, Thị trấn V, huyện C, tỉnh T, là mẹ đẻ của H) chở N và T. Khi ba người đi đến khu vực trại giam Q thuộc huyện S, tỉnh T thì gặp Nguyễn Thị M, trú tại: xóm H, xã T, huyện C, tỉnh T (Là bạn quen biết của ba người). H nói với M là đi T chơi nên M đưa cho N 200.000 đồng. Sau đó N, H, T đi xuống thành phố T, tỉnh Thái Nguyên chơi. Đến khoảng 14 giờ ngày 07/7/2017 H, N, T đến khu vực phường Q, thành phố T. Tại đây cả ba thống nhất bàn bạc góp tiền để mua ma túy cùng nhau sử dụng. N đưa cho H 280.000 đồng trong đó N góp 80.000 đồng và 200.000 đồng là tiền M cho, T góp 20.000 đồng, H góp 110.000 đồng. H đưa lại cho N 10.000 đồng để N mua 03 chiếc xi lanh để dùng chích ma túy. Do H biết địa hình khu vực phường Q nên H cầm số tiền 400.000 đồng một mình điều khiển xe mô tô đi vào đường bê tông ở khu vực ngã ba phường Q, thành phố T mua của một người đàn ông không biết lai lịch và địa chỉ được 02 gói Hê rô in. Sau khi mua được ma túy, H quay lại chỗ N và T đứng đợi, lúc đó N đã mua được 03 chiếc xi lanh rồi cả ba đi xe mô tô đến khu vực nghĩa trang thuộc phường Q, thành phố T cùng nhau sử dụng hết 01 gói Hê rô in bằng hình thức tiêm chích. Sau khi chích Hê rô in xong, T dùng giấy bạc màu vàng gói số ma túy còn lại bọc bên ngoài vỏ túi ni lông đựng xi lanh rồi cất vào túi quần của T, sau đó cả ba người đi về T. Khi đi đến đoạn đường tàu cát ngang thuộc xã C, huyện Đ, T bỏ một phần Hê rô in ra để cả ba sử dụng bằng hình thức tiêm chích. Sử dụng xong T lại gói số ma túy còn lại bằng giấy bạc màu vàng bọc bên ngoài bằng vỏ túi ni lông đựng xi lanh, cất vào túi quần của T. Khoảng 19 giờ cùng ngày cả ba đi đến lán bỏ hoang tại khu vực xóm 6, xã H, huyện Đ nghỉ thì bị tổ công tác Công an xã H, huyện Đ đến kiểm tra. Thấy tổ công tác T đã lấy gói Hê rô in từ trong túi quần của T vút xuống đất rồi bỏ chạy trốn. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H và N, thu giữ vật chứng như nêu trên.

Vật chứng của vụ án : 02 phong bì niêm phong ký hiệu H1, H2 đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ chờ xử lý.

01 chiếc xe mô tô BKS 20F1-17102 quá trình điều tra xác định chiếc xe là của bà Mai Thị Kim O cho H mượn nhưng bà O không biết H sử dụng xe mô tô đi mua ma túy sử dụng, nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bà O quản lý sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 63/KSĐT- MT ngày 01 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Vũ Mạnh H và Vũ Văn N về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự

Tại phiên toà hôm nay hai bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật như bản cáo trạng đã nêu trên. Hai bị cáo thừa nhận chung tiền mua ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân sau khi sử dụng còn lại 0,229 gam Hêrôin đã được cơ quan công an thu giữ.

Kết thúc xét hỏi, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Vũ Mạnh H và Vũ Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Vũ Mạnh H mức án từ 30 đến 36 tháng tù, miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Vũ Văn N mức án từ 24 đến 30 tháng tù, miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ Điều 41 BLHS, Điều 76, Điều 99 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để xử lý vật chứng và trách nhiệm nộp án phí đối với các bị cáo.

Phần tranh luận, các bị cáo xác định việc truy tố, xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội. Hai bị cáo xin giảm nhẹ mức án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay là thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và kết quả giám định cùng các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Hồi 19 giờ 30 ngày 07/7/2017 tại khu vực xóm 6, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Vũ Mạnh H và Vũ Văn N đang có hành vi cất giữ bất hợp pháp 0,229 gam Hê rô in mục đích để cùng nhau sử dụng thì bị tổ công tác Công an xã H, huyện Đ phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Hành vi trên của hai bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ truy tố bị cáo Vũ Mạnh H và Vũ Văn N về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 194 BLHS quy định như sau: 1. Người nào ... tàng trữ trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm các quy định độc quyền quản lý và sử dụng của Nhà nước về các chất gây nghiện, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Xét nhân thân của hai bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo nhận thức rõ về tác hại của chất ma túy đối với sức khỏe và tính mạng của con người, đối với kinh tế. Ma túy

cũng là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm nhưng các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật lao vào con đường phạm tội. Xét cần có mức án nghiêm khắc và buộc hai bị cáo cách ly xã hội để giúp các bị cáo cai nghiện, cải tạo thành người công dân tốt và giáo dục phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 để so sánh tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 với quy định về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 để cân nhắc mức án có lợi cho bị cáo.

Trong vụ án này, hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Đối với bị cáo H lần phạm tội này là tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Mức án mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Các bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng của vụ án: 01 bì niêm phong ký hiệu H1, H2 xét đây là chất độc hại cần tịch thu tiêu hủy.

Về nguồn gốc số ma túy Vũ Mạnh H khai mua của một người đàn ông không rõ lai lịch, địa chỉ tại khu vực phường Q, Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Do không xác định được lai lịch địa chỉ nên không có cơ sở để điều tra xử lý.

Theo Vũ Mạnh H, Vũ Văn N khai: Số Hê rô in H, N tàng trữ là do cả H, N và Trần Đức T góp tiền mua để sử dụng chung. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, kết quả: Trần Đức T hiện nay không có mặt tại địa phương, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Trần Đức T. Nên cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Các bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

Các bị cáo Vũ Mạnh H, Vũ Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS, khoản 3 Điều 7 BLHS, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 xử phạt Vũ Mạnh H 30(ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2017. Căn cứ Điều 228 BLTTHS, quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo THA.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, khoản 3 Điều 7 BLHS, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 xử phạt Vũ Văn N 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2017.

Căn cứ Điều 228 BLTTHS, quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo THA.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 76 BLTTHS, Điều 41 BLHS:

- Tịch thu tiêu huỷ 02 bì niêm phong ký hiệu H1, H2.

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ
- Chi cục THA huyện Đại Từ
- Công an huyện Đại Từ
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

NGUYỄN HỒNG MÂY